TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/DS-ST
Ngày: 23-7-2024
"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, công nhận di chúc và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Triệu Khánh Long

Ông Thái Trung Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần C, sinh năm 1926; Địa chỉ: số nhà G, đường T, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn:

1/ Ông Trần Thu C1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số D đường M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (có mặt).

2/ Bà Trần Thị K, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số nhà C, khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị K.

+ Bà Vương Hòa Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số B đường H, Phường I, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Ông Vương Hòa Q1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Ông Vương Hòa C2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số F S, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Ông Trần Tu T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, H - P – Hartfdrd – CT06110 USA. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

4/ Ông Trần Tu L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số B, H - P – Hartfdrd – CT06110 USA. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. (vắng mặt)

5/ Ông Trần Thắng L1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Hẻm A, số nhà A, đường C, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (có mặt)

6/ Bà Trần Xiếu T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B đường N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Vương Hòa Q (K1), sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà B, đường H, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lương Văn N, sinh năm 1976; Địa chỉ liên hệ: Số A, đường L, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Vương Hòa C2, sinh năm 1981; địa chỉ: Số F đường S, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Hòa C2 - Ông Lê Nguyễn Thế T2, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A lầu B, Nguyễn Công T3, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Anh Thạch Huỳnh N1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A lầu B, Nguyễn Công T3, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số D, đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lưu Văn D – Công chức tư pháp hộ tịch Phường 1, thị xã V (văn bản ủy quyền đề ngày 17/7/2024), (có đơn xin vắng mặt).

3/ Bà Trà Thị Q2, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số nhà B, đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị Q2:

Ông Triệu P, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Bà Triệu Thị Thu V, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Ông Triệu Minh M, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Ông Triệu Minh H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Bà Triệu Thị Thu H1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Bà Triệu Thị H2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Bà Triệu Thị P1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Ông Triệu Minh G, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Bà Triệu Thị Ngọc L2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà B, đường L, Khóm F, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Ông Trần Tấn L3 (B), sinh năm 2004; Địa chỉ: Số D, đường C, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5/ Ông Trần Tấn T4 (B), sinh năm 2000; Địa chỉ: Số D đường C, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6/ Ông Vương Hòa Q1 (Kẹt); Địa chỉ: Số C khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7/ Ông Trịnh L4; Địa chỉ: Số B, đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số A đường A, Phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông Trần Ô T5; Địa chỉ: Số A, khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9/ Ông Văn Kia S; Địa chỉ: Số H, đường T, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10/ Bà Thạch Thị X; Địa chỉ: Số C, khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11/ Bà Vương Hòa Q (K3), sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà B, đường H, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Bà Tô Thùy O, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà B, đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Ngô Văn H3, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số nhà C, đường L, Khóm F, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Đoàn Ngọc Minh D1 – Nơi công tác: Công an P3, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2017 (BL01) của nguyên đơn ông Trần C; Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020 (BL223-225), cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Thu C1 cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Nguyên con ruột của ông Trần C là ông Trần Thu P2 (chết ngày 11/06/2017). Ông P2 có vợ tên Châu Thị Kim L5 (L6), sinh năm 1981, địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng) đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2007/QĐST-HNGĐ đề ngày 25/06/2007 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Châu. Vợ chồng ông Trần Thu P2 và bà Châu Thị Kim L5 chung sống với nhau không có con. Lúc sinh thời phần lớn từ nguồn tiền hỗ trợ của ông C, ông Trần Thu P2 đã tạo lập được một căn nhà trọ xây dựng trên 02 thửa đất tọa lạc tại số B đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, thuộc thửa đất số 636, số tờ bản đồ: 07, loại đất trồng cây hàng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967442 cấp ngày 03/6/2010; Thửa đất thứ hai: có diện tích 469,9m^2 (trong đó loại đất ở đô thị 150m^2 và đất trồng cây hàng năm 319,9m^2) thuộc thửa đất số 626, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967441 ngày 03/06/2010. Thời điểm còn sống ông Trần Thu P2 không có nợ ai hết.

Ông Trần Thu P2 chết, theo pháp luật về thừa kế thì ông Trần C là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất được thừa hưởng di sản của con ông C là ông Trần Thu P2 để lại gồm một căn nhà trọ xây dựng trên 02 thửa đất tọa lạc tại số B, đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, thuộc thửa đất số 636, số tờ bản đồ: 07, loại đất trồng cây hàng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967442 cấp ngày 03/6/2010; Thửa đất thứ hai: có diện tích 469,9m^2 (trong đó loại đất ở đô thị 150m^2 và đất trồng cây hàng năm 319,9m^2) thuộc thửa đất số 626, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967441 ngày 03/06/2010, sau khi lo đám tang cho ông Trần Thu P2 xong, ông Trần C có yêu cầu bà Vương Hòa Q là cháu ngoại của ông Trần C đang ở nhờ trong căn nhà trọ này và là người giúp cho ông Trần Thu P2 quản lý, trông coi nhà trọ giao lại căn nhà trọ cho ông C quản lý và để ông C tiến hành thủ tục chuyển tên chủ sở hữu đối với căn nhà trọ và chuyển tên chủ sử dụng đối với 02 thửa đất nêu trên, nhưng bà Vương Hòa Q không đồng ý và cho rằng ông Trần Thu P2 đã lập tờ di chúc đề ngày 01/06/2017. Tờ di chúc có đoạn ghi: *"Sau khi tôi qua đời (chết) thì*

những tài sản thừa kế trên sẽ giao cho Vương Hòa Q trực tiếp quản lý sau đó bán (chuyển nhượng) và chia tiền cho những người sau đây..." Theo ông C được biết tờ di chúc này không hợp lệ vì được lập lúc ông P2 bệnh quá nặng nên người nuôi bệnh phải xin cho ông Trần Thu P2 xuất viện về nhà. Trong hoàn cảnh này ông P2 không còn đủ sức khỏe và minh mẫn để định đoạt khối tài sản của mình, không thể ký tên vào tờ di chúc vì ông P2 không thể ngồi dậy được. Với tờ di chúc không hợp lệ này, quyền thừa kế của ông Trần C đối với khối di sản của con ông C là ông Trần Thu P2 bị tước đoạt.

Nay nguyên đơn ông Trần C yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tuyên bố tờ di chúc đề ngày 01/06/2017 do bà Vương Hòa Q tự lập, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là vô hiệu. Ông Trần Thu P2 chết không có vợ, không có con nên ông Trần C là người thừa kế khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại vì ông thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Buộc bà Vương Hòa Q giao lại cho ông Trần C khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại gồm: 01 căn nhà trọ tên Phước Đ, địa chỉ: số B, đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng trên 02 thửa đất gồm: Thửa thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, số thửa 636, số tờ bản đồ 07; Thửa thứ hai: có diện tích 469,9m^2, số thửa 626, tờ bản đồ số 07.

Tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thu C1 yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố tờ di chúc lập ngày 01/6/2017 là vô hiệu. Buộc bà Vương Hòa Q giao lại cho ông C khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại gồm: 01 căn nhà trọ tên Phước Đ, địa chỉ: số B đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng trên 02 thửa đất gồm: Thửa thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, số thửa 636, số tờ bản đồ 07; Thửa thứ hai: có diện tích 469,9m^2, số thửa 626, tờ bản đồ số 07.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/3/2020 (BL260-261) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thắng L1 trình bày: Ông L1 thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn ông Trần C khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố tờ di chúc lập ngày 01/6/2017 là vô hiệu. Buộc bị đơn bà Vương Hòa Q giao lại cho anh em ông L1 khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại gồm: 01 căn nhà trọ tên Phước Đ, địa chỉ: số B đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng trên 02 thửa đất gồm: Thửa thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, số thửa 636, số tờ bản đồ 07; Thửa thứ hai: có diện tích 469,9m^2, số thửa 626, tờ bản đồ số 07.

Tại bản tự khai (BL341) cũng như quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan bà Trần Xiếu T1 trình bày: Cha bà T1 là ông Trần C (chết năm 2019) và mẹ là bà Hứa Thị S1 (chết năm 2008). Cha mẹ có tất cả 07 người con, trong đó có anh Trần Thu P2, sinh năm 1969 (chết năm 2017). Trước đây anh P2 có vợ nhưng đã ly hôn và không có con chung. Lúc anh P2 qua đời năm 2017 có để lại di sản gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 951,2m^2 thuộc thửa đất số 636, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Quyền sử dụng đất có diện tích 469,9m^2 thuộc thửa đất số 626, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Cả 02 thửa đất trên anh P2 có xây nhà trọ để kinh doanh, trong thời gian này anh P2 có giao cho cháu tên Vương Hòa Q quản lý trông coi (cũng là cháu ngoại của ông Trần C). Khi anh P2 chết không để lại di chúc thì di sản này thuộc về thừa kế của ông Trần C (là cha ruột của anh P2), nhưng cháu Q không đồng ý và nói rằng trước khi chết anh P2 đã làm di chúc ngày 01/6/2017 để lại di sản cho cháu Q. Bà T1 khẳng định chữ ký trên tờ di chúc anh P2 lập ngày 01/6/2017 không phải là chữ ký của anh P2 và không có xác nhận của chính quyền địa phương, hơn nữa thời gian này anh P2 đang bệnh nặng và tinh thần không còn minh mẫn thì làm sao lập được di chúc. Do đó yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc lập ngày 01/6/2017 là vô hiệu và phân chia di sản của anh P2 theo quy định pháp luật.

Tại đơn phản tố đề ngày 22/3/2024 (BL723), lời trình bày của bị đơn bà Vương Hòa Q tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 12/9/2017 (BL77) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Văn N trình bày: Khu nhà trọ của ông Trần Thu P2 là do ông Phước h với ông Vương Hòa C2, mỗi người 2 tỉ để xây dựng nên. Ông P2 trực tiếp quản lý kinh doanh khu nhà trọ, ông Vương Hòa C2 giữ 02 cuốn sổ đỏ (bản chính) và tiền lời từ kinh doanh nhà trọ được thỏa thuận chia đôi, hàng tháng ông P2 gửi tiền lời cho ông Vương Hòa C2. Tổng cộng số tiền lời hàng tháng của nhà trọ sau khi chia đôi, từ 10 - 20 triệu mỗi tháng, từ tháng 11/2014 đến tháng 10/2016, ông P2 đã gửi cho ông C2 là 330 triệu. Trong thời gian bệnh ông P2 trở nặng, ông P2 có xin ông Vương Hòa C2 cho ông Phước t số tiền lời hàng tháng đã đưa cho C2 sang số tiền nợ nhà trọ đã hùn với ông C2, quy tròn là trừ 300 triệu trong số tiền 2 tỷ. Vì vậy ông P2 mới ghi rõ vào tờ di chúc là còn nợ ông Vương Hòa C2 số tiền 1,7 tỷ đồng. Việc ông C2 đưa tiền cho ông P2 để mua đất và xây dựng nhà trọ có bà Q và bà Tô Thùy O (người dẫn ông C2 và ông P2 coi mua đất), ông Trần Ô T5 (con nuôi ông P2) và một số người khác biết. Số tiền ông P2 ghi trong di chúc là nợ tôi (Vương Hòa Q) 500 triệu đồng là do tôi đã cho ông P2 mượn 500 triệu hồi tháng 9/2014 để ông P2 trả nợ cho ông Văn Kia S. Khi ông P2 còn sống, ông P2 đã nuôi dưỡng ông Trần C, ông P2 trước khi chết đã bị bệnh nặng (xơ gan). Trong thời gian ông P2 chữa bệnh, ông P2 có xin ông Trần C thế chấp

căn nhà ở chợ để vay tiền Ngân hàng số tiền 50 triệu đồng để chữa bệnh nhưng ông Trần C từ chối. Vì vậy ông P2 mới giận ông Trần C và quyết định chỉ cho ông Trần C được hưởng số tiền còn dư lại (nếu có) sau khi bán nhà trọ và thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và phân chia tiền cho những người có tên trong di chúc; ông P2 khi lập di chúc còn rất minh mẫn và di chúc được lập dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương (Công an khu vực, đại diện ủy ban), bà Tô Thùy O (người trực tiếp viết di chúc), bà Thạch Thị X và họ hàng trong gia đình (gồm ông Trần C, ông Trần Thắng L1, vợ chồng ông Trần Ô T5 và tôi Vương Hòa Q). Trong quá trình lập di chúc, ông Trần C còn đề nghị ông P2 sửa tiền nợ ông Vương Hòa C2 xuống còn 1,5 tỷ nhưng ông P2 không đồng ý và ông P2 yêu cầu phải ghi rõ là nợ ông C2 1,7 tỷ đồng, việc ông Trần C khởi kiện và yêu cầu Tòa án tuyên bố Tờ di chúc đề ngày 01/6/2017, có sự chứng thực của A, thị xã V là vô hiệu và buộc bà Vương Hòa Q phải giao lại cho ông Trần C phần di sản của ông P2 là việc làm không có căn cứ pháp luật và không đúng với sự thật của vụ việc.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết: Công nhận tờ di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 là hợp pháp, giao lại tài sản cho bà Q quản lý và đứng tên để bán thanh toán nợ theo di chúc của ông Trần Thu P2 lập đã được A, thị xã V chứng thực là đúng quy định của pháp luật.

- *Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 12/01/2018 (BL84) của ông Vương Hòa C2 cũng như quá trình giải quyết vụ án*: Ông Trần Thu P2 sinh năm 1969, chết ngày 11/6/2017 là cậu ruột của ông C2, từ năm 2010 đến năm 2014, ông C2 có đưa ông Trần Thu P2 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để hùn với ông P2 xây dựng nhà trọ, cụ thể gồm 04 lần như sau: Lần 1 đưa 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lần 2 đưa 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lần 3 đưa 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), cả ba lần đều đưa bằng tiền mặt và diễn ra trong năm 2010. Lần 4 đưa 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) chuyển qua ngân hàng A1 ngày 20/10/2014 để ông P2 thanh toán nợ còn thiếu trong quá trình xây dựng nhà trọ. Khi ông C2 đưa tiền cho ông P2 để mua đất và xây nhà trọ thì có bà Tô Thùy O (người dẫn dắt ông C2 và ông P2 coi mua đất), ông Trần Ô T5 (con nuôi ông P2), chị ông C2 là bà Vương Hòa Q và một số người khác biết. Trước khi mua đất và xây dựng nhà trọ, ông C2 và ông P2 đã thỏa thuận ông P2 sẽ trực tiếp quản lý kinh doanh khu nhà trọ, còn ông Vương Hòa C2 giữ 02 cuốn sổ đỏ bản chính và tiền lời từ kinh doanh nhà trọ được thỏa thuận chia đôi, hàng tháng ông P2 gửi tiền lời từ kinh doanh nhà trọ cho ông C2. Ông P2 bắt đầu chuyển tiền cho ông C2 từ ngày 20/11/2014, ban đầu là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) mỗi tháng, sau đó giảm xuống có tháng gửi

10.000.000 đồng (mười triệu đồng), có tháng gửi 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Lý do ông P2 giải thích là kinh doanh gặp khó khăn. Tổng cộng số tiền lời hàng tháng của nhà trọ ông P2 đã gửi cho ông C2 từ tháng 11/2014 đến tháng 10/2016 là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Khi bệnh ông P2 trở nặng, ông P2 có xin ông C2 cho ông Phước t số tiền lời kinh doanh hàng tháng sẽ đưa cho ông C2 sang số tiền nhà trọ đã hùn với ông C2, tổng số tiền trừ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trong tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) mà ông P2 có đề cập trong di chúc là còn nợ ông C2 số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Ông C2 được biết khi ông P2 lập di chúc còn rất minh mẫn và di chúc được lập dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương và có người làm chứng nên di chúc này hoàn toàn hợp pháp. Nội dung di chúc nêu rõ đã chỉ định cho bà Vương Hòa Q trực tiếp quản lý khu nhà trọ, bao gồm quyền sử dụng đất diện tích 951,2m^2 thuộc thửa đất số 636, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và Quyền sử dụng đất có diện tích 469,9m^2 thuộc thửa đất số 626, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Giấy chứng nhận số BB967441 và BB967442 do UBND huyện V cấp ngày 03/6/2010) để bán và xử lý tài sản sau khi ông P2 qua đời, thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P2 và phân chia di sản.

Nay ông Vương Hòa C2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người quản lý di sản của ông Trần Thu P2 có nghĩa vụ bán tài sản của ông Trần Thu P2 để thanh toán lại số tiền ông P2 còn nợ ông C2 với số tiền là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Theo biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ô T5 đề ngày 06/5/2021 (BL350-351) cũng như quá trình giải quyết vụ án: Thời điểm ông Trần Thu P2 lập di chúc có mặt ông T5 chứng kiến và ông T5 thống nhất theo tờ di chúc đã lập ngày 01/6/2017 yêu cầu bán tài sản của ông P2 và chia lại tiền cho ông T5 400.000.000 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Kia S đề ngày 18/6/2020 (256) cũng như quá trình giải quyết vụ án: Trước đây ông S có cho ông P2 vay 500.000.000 đồng và tiền lãi hết 210.000.000 đồng, sau đó ông P2 có trả tiền gốc cho ông S hết 500.000.000 đồng còn nợ lại tiền lãi 210.000.000 đồng, khi ông P2 lập di chúc thì không có mặt ông S, nhưng bà O có điện thoại nói với ông S là ông Phước y lắm rồi nợ lãi 210.000.000 đồng cho ông P2 xin 110.000.000 đồng chỉ còn nợ ông S 100.000.000 đồng và ông S cũng đồng ý, nên trong di chúc mới ghi cho ông Văn K2 Sến 100.000.000 đồng.

Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị K và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Vương Hòa Q, ông Vương Hòa Q1, ông Vương Hòa C2; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần C gồm: Ông Trần Tu L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Trần Tấn L3 (Bibo); Ông Trần Tấn T4 (Bibo); Ông Trịnh L4; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị Q2 gồm: ông Triệu P, bà Triệu Thị Thu V, ông Triệu Minh M, ông Triệu Minh H, bà Triệu Thị Thu H1, bà Triệu Thị H2, bà Triệu Thị P1, ông Triệu Minh G, bà Triệu Thị Ngọc L2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của các đương sự nêu trên.

Theo kết quả đo đạc thực tế và xem xét, thẩm định tại chỗ thì các thửa đất của ông Trần Thu P2 để lại như sau: Tổng diện tích đất ông P2 để lại là 1.553,3m^2 thuộc thửa đất số 626, 636, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và một phần thửa 365 có diện tích 183,9m^2, thửa 624 có diện tích 64,7m^2 gắn liền là một căn nhà trọ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Thu C1, ông Trần Thắng L1, bà Trần Xiếu T1, ông Trần Tu T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lương Văn N, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Nguyễn Thế T2, ông Lưu Văn D chấp hành đúng pháp luật. Tuy nhiên sự chấp hành của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tố tụng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại chưa đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu", do bị đơn có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên cần xác định thêm quan hệ tranh chấp là "Công nhận di chúc và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần C yêu cầu Tuyên bố di chúc đề ngày 01/6/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là vô hiệu và buộc

bà Vương Hòa Q phải giao lại cho ông Trần C phần di sản của ông P2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Vương Hòa Q. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Hòa C2. Công nhận tờ di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 là hợp pháp và giao tài sản được ghi trong di chúc cho bà Vương Hòa Q bán (chuyển nhượng) trả cho ông Vương Hòa C2 số tiền 1.700.000.000 đồng. Đối với việc thực hiện các phần còn lại trong di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 nếu có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Đồng thời, buộc các đương sự chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần C gồm: ông Trần Tu L; ông Trần Tu T; bà Trần Xiếu T1; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị K gồm: Bà Vương Hòa Q, ông Vương Hòa Q1, ông Vương Hòa C2 và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ủy ban nhân dân Phường A có người đại diện theo ủy quyền ông Lưu Văn D; ông Trần Tấn L3 (Bibo); ông Trần Tấn T4 (Bibo); ông Trịnh L4; bà Thạch Thị X; Người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Hòa C2 là ông Lê Nguyễn Thế T2 và ông Thạch Huỳnh N1; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị Q2 gồm: ông Triệu P, bà Triệu Thị Thu V, ông Triệu Minh M, ông Triệu Minh H, bà Triệu Thị Thu H1, bà Triệu Thị H2, bà Triệu Thị P1, ông Triệu Minh G, bà Triệu Thị Ngọc L2, những người làm chứng gồm bà Tô Thùy O, ông Ngô Văn H3, ông Đoàn Ngọc Minh D1. Qua đó bà Trần Xiếu T1, ông Trần Tu T, ông Lưu Văn D, ông Lê Nguyễn Thế T2 có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại và những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, trước đây xác định “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu", do trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên cần xác định thêm quan hệ tranh chấp là "Công nhận di chúc và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, Công nhận di chúc và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại", theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tài sản tranh chấp tại Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét về hàng thừa kế, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Ông Trần Thu P2 (đã chết) đã ly hôn với vợ và chưa có con chung nên ông Trần C là người ở hàng thừa kế thứ nhất quy định điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần C yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố tờ di chúc đề ngày 01/6/2017 do bà Vương Hòa Q tự lập, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là vô hiệu. Ông Trần Thu P2 chết không có vợ, không có con nên ông Trần C là người thừa kế khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại vì ông C thuộc hàng thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Buộc bà Vương Hòa Q giao lại cho ông Trần C khối di sản của ông Trần Thu P2 để lại gồm: 01 căn nhà trọ tên Phước Đ, địa chỉ: số B đường L, Khóm E, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng trên 02 thửa đất gồm: Thửa thứ nhất: có diện tích 951,2m^2, số thửa 636, số tờ bản đồ 07; Thửa thứ hai: có diện tích 469,9m^2, số thửa 626, tờ bản đồ số 07.

[5.2] Xét yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với di chúc thừa kế ghi ngày 01/6/2017 của ông Trần Thu P2 thấy:

Xét về hình thức của di chúc: Ngày 01/6/2017 tại A, thị xã V có chứng thực di chúc, theo đi chúc người được chỉ định trong di chúc là bà Vương Hòa Q và có hai người làm chứng ký vào bản di chúc, bản di chúc có số chứng thực số: 172; quyển số 01/2017/SCT/HĐ,GD theo quy định nên di chúc chỉ định này tuân thủ về hình thức theo quy định của pháp luật.

Xét về nội dung di chúc: Căn cứ lời khai của bà Tô Thùy O, ông Hàn Văn H4, ông Lưu Văn D phù hợp nội dung bản di chúc ngày 01/6/2017 nên có cơ sở xác định: Sau khi ông P2 chết thì những tài sản kể trên sẽ giao cho bà Vương Hòa Q trực tiếp quản lý, sau đó bán (chuyển nhượng) và chia tiền cho Trần Tấn L3 (Bibo) 100.000.000 đồng; Trần Tấn T4 (Bibo) 100.000.000 đồng; Vương Hòa Q (Ken) 200.000.000 đồng; ông Trần Thu C1 (Chen) 200.000.000 đồng; Trần Thắng L1 200.000.000 đồng; Trần Xiếu T1 50.000.000 đồng; Vương Hòa Q1 (Kẹt)

100.000.000 đồng; Trịnh L4 (Sa Hia) 300.000.000 đồng; Trần Ô T5 400.000.000 đồng; Văn Kia Sến 100.000.000 đồng; Thạch Thị X 50.000.000 đồng. Giao cho bà Vương Hòa Q có nhiệm vụ trả nợ cho ông Vương Hòa C2 số tiền 1.700.000.000 đồng; Vương Hòa Q số tiền 500.000.000 đồng. Phần tiền còn dư lại cho cha ruột là ông Trần C được sử dụng dưỡng già.

Theo Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "1. Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a/ Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

b/ Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật".

Theo Điều 634 BLDS 2015 quy định: *"Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này".*

Theo Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Việc lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã phải tuân theo thủ tục sau đây:

1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của U ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã ký vào bản di chúc.

2. Trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng".

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ thì *"Trong trường hợp tính mạng bị cái chết đe doạ*

do bệnh tật hoặc nguyên nhân khác mà người lập di chúc không thể đến trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực, thì việc công chứng, chứng thực di chúc được thực hiện tại chỗ ở hoặc nơi có mặt của người lập di chúc. Đối với việc lập di chúc mà tính mạng bị cái chết đe doạ, thì không nhất thiết phải xuất trình giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định này".

Tại bản kết luận giám định số 3621/KL-KTHS, ngày 03/8/2022 của Phân Viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận (BL539):

"1. Chữ ký đứng tên Trần Thu P2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Trần Thu P2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Trần Thu P2" dưới mục: "Người lập di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Trần Thu P2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là có phải do cùng một người viết ra hay không".

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 bà Tô Thùy O khai (BL210): Bà O không có quan hệ bà con với ông Trần Thu P2, ông Trần C, bà Vương Hòa Q, chỉ là hàng xóm với nhau, lúc còn nhỏ thì bà O có theo ông P2 để bán tạp hóa. Nhà bà O cũng gần nhà ông P2, bà O không có mâu thuẫn với ông Trần Thu P2, ông Trần C, bà Vương Hòa Q, bà O không biết việc ông Trần C là cha ruột của ông Trần Thu P2 đang tranh chấp với bà Vương Hòa Q. Khi ông P2 chết thì bà O mới biết việc ông Trần C và ông Trần Thu C1 đi thưa nói di chúc là giả. Ông P2 lập di chúc tại nhà ông P2. Vào ngày 01/6/2017 bà O có mặt ở nhà ông P2. Bà O có chứng kiến việc ông Trần Thu P2 lập di chúc. Do ông P2 ghi không nổi tờ di chúc nên có nhờ bà O ghi thay tờ di chúc. Nội dung là do ông P2 đọc cho bà O ghi. Lúc đó sức khỏe ông P2 vẫn bình thường, tinh thần vẫn còn minh mẫn. Ông P2 nói sợ bệnh không qua nổi và anh em ông P2 tranh dành tài sản của ông P2 và ông P2 còn nợ những người khác nên mới kêu viết di chúc là ông P2 có chết thì thực hiện theo di chúc của ông P2 để lại. Khi ông P2 lập di chúc thì lúc đó có mặt ông Trần C, ông Trần Thắng L1, bà Vương Hòa Q, bà Thạch Thị X, Cán bộ Tư pháp Phường A, ông D1 Công an khu vực Phường A, ông Trần Ô T5, bà Tô Thùy O, ông Ngô Văn H3. Bà O có thông qua bản di chúc cho tất cả những người có mặt cùng nghe và ông P2 còn tự mình coi lại tờ di chúc do bà Q3 viết có đúng không. Ông P2 trực tiếp ký tên vào tờ di chúc. Ông P2 ngồi lên để ký tên vào tờ di chúc. Ông Trần C và anh em ông P2 không có ai có ý kiến gì về tờ di chúc. Ông P2 kêu bà O đi lại Ủy ban kêu cán bộ tư pháp và Công an khu vực đến chứng kiến việc lập di chúc, do ông P2 bệnh nên không thể đến Ủy ban nhân dân Phường A để lập di chúc được. Khi lập di chúc xong thì bà Vương Hòa Q

đem tờ di chúc lên Ủy ban nhân dân Phường A để chứng thực di chúc. Do ông P2 bị bệnh đi không nổi. Bà O khẳng định tại thời điểm lập di chúc ông Trần Thu P2 còn rất minh mẫn, ông P2 tự đọc và kêu bà O ghi theo ý nguyện của ông P2 trong tờ di chúc. Đồng thời cũng phù hợp với các biên bản xác minh ngày 08/3/2021 của bà Thạch Thị X (BL184-185); biên bản xác minh ngày 22/3/2021 ông Ngô Văn H3 (BL188); biên bản xác minh ngày 11/3/2021 ông Đoàn Ngọc Minh D1 (BL191).

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2020 ông Hàn Văn H4 trình bày (BL192): Thời điểm ông Trần Thu P2 lập di chúc thì ông H4 có kêu cán bộ tư pháp xuống chứng kiến việc lập di chúc (cán bộ tư pháp qua báo cho ông H4 biết là ông P2 nhờ xuống chứng kiến việc lập di chúc và ông H4 có kêu cán bộ tư pháp xuống chứng kiến) sau khi lập di chúc xong thì cán bộ tư pháp trình di chúc cho ông H4 để xác nhận vào.

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2020 ông Lưu Văn D, trình bày (BL193-194): Thời điểm ông Trần Thu P2 lập di chúc thì ông P2 có nhờ bà Tô Thùy O đến Ủy ban nhân dân Phường A, nhờ ông D xuống chứng kiến việc ông Trần Thu P2 lập di chúc, ông D có đến nhà ông P2 để chứng kiến và hướng dẫn ông P2 lập di chúc, do ông P2 bệnh ghi không nổi tờ di chúc nên có nhờ bà Tô Thùy O ghi di chúc, nội dung là do ông P2 đọc cho bà O ghi; thời điểm lập di chúc tuy ông P2 bị bệnh nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn, ông vẫn ngồi đọc được những nội dung trong di chúc và có sự chứng kiến của ông Trần C là cha ruột của ông P2, ông Trần Thắng L1 là em ruột ông P2, bà Vương Hòa Q, cảnh sát khu vực Phường A ông Đoàn Ngọc Minh D1, cán bộ tư pháp hộ tịch tôi Lưu Văn D và có hai người nhân chứng chứng kiến bà Tô Thùy O, ông Ngô Văn H3; khi lập xong di chúc thì bà Tô Thùy O có đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho tất cả mọi người cùng nghe và ông P2 ký vào tờ di chúc trước tất cả sự có mặt của mọi người chứng kiến và hai người làm chứng cùng ký vào tờ di chúc và ông D quay về Ủy ban nhân dân Phường A để ghi lời chứng theo mẫu và trình Chủ tịch ủy ban nhân dân phường A chứng thực vào ..."

Theo Điều 615 BLDS 2015 quy định:

"1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại".

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định tờ di chúc lập ngày 01/6/2017 là có hiệu lực, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần c yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 01/6/2017 có

chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là vô hiệu và buộc bà Vương Hòa Q phải giao lại cho ông Trần C phần di sản của ông P2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Vương Hòa Q, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Hòa C2, công nhận tờ di chúc của ông Trần Thu P2 đề ngày 01/6/2017 là hợp pháp và giao tài sản được ghi trong di chúc cho bà Vương Hòa Q bán (chuyển nhượng) trả cho ông Vương Hòa C2 số tiền 1.700.000.000 đồng. Đối với việc thực hiện các việc còn lại trong tờ di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 nếu có tranh chấp và yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản 800.000 đồng, chi phí đo đạc thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V là 1.405.118 đồng và chi phí giám định chữ ký là 3.740.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên và ông Trần Thu C1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Chi phí ủy thác thác tư pháp: 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) ông Trần Thắng L1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng ý chịu, ông L1 được khấu trừ vào số tiền ủy thác tư pháp ông L1 đã nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), ông L1 đã thực hiện xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần C không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 nguyên đơn, được miễn tiền án phí. Bị đơn phản tố được chấp nhận nên không phải chịu án phí của yêu cầu phản tố, bị đơn phải chịu án phí trên số nợ của ông Vương Hòa C2 được chấp nhận, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 157; Điều 161; các điểm a, b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 615, 630, 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần C đối với bị đơn bà Vương Hòa Q về việc yêu cầu Tuyên bố di chúc đề ngày 01/6/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là vô hiệu và buộc bà Vương Hòa Q phải giao lại cho ông Trần C phần di sản của ông Trần Thu P2 để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Vương Hòa Q.

Công nhận tờ di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 là hợp pháp và giao tài sản được ghi trong tờ di chúc cho bà Vương Hòa Q được bán (chuyển nhượng) trả cho ông Vương Hòa C2 số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Hòa C2.

Buộc bị đơn bà Vương Hòa Q phải bán (chuyển nhượng) tài sản của ông Trần Thu P2 được ghi trong tờ di chúc trả cho ông Vương Hòa C2 số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Vương Hòa C2 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Vương Hòa Q phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với việc thực hiện các phần còn lại trong tờ di chúc của ông Trần Thu P2 lập ngày 01/6/2017 nếu có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

4. Về chi phí thẩm định tài sản 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), chi phí đo đạc thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V là 1.405.118 đồng (một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn một trăm mười tám đồng) và chi phí giám định chữ ký là 3.740.000 đồng (ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu toàn bộ và ông Trần Thu C1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện xong.

5. Chi phí ủy thác thác tư pháp: 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) ông Trần Thắng L1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng ý chịu, ông L1 được khấu trừ vào số tiền ủy thác tư pháp ông L1 đã nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0060685 và số 0060684 cùng ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, ông L1 đã thực hiện xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 nguyên đơn được miễn tiền án phí.

- Bị đơn bà Vương Hòa Q phải chịu 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) án phí sơ thẩm có giá ngạch, bà Q được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003160 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Q còn phải nộp thêm 62.700.000 đồng (sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Vương Hòa C2 được được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.500.000 đồng (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000746 ngày 31/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng